

Số: 451/BC-HĐND

Chư Puh, ngày 26 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động của Thường trực HĐND huyện 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2023 (Báo cáo tại kỳ họp thứ Mười, HĐND huyện khóa X)

Thực hiện Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 29/12/2022 của HĐND huyện Chư Puh về thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2023; Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND huyện về Chương trình hoạt động giám sát của HĐND huyện năm 2023 và Chương trình số 354/CTr-HĐND ngày 12/01/2023 về chương trình công tác của Thường trực HĐND huyện năm 2023;

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện ủy, sự điều hành năng động, tích cực của UBND huyện, sự giám sát phản biện của Ủy ban MTTQVN huyện. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện đã triển khai thực hiện theo Nghị quyết và đạt được một số kết quả như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HĐND HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

1. Các chỉ tiêu kinh tế

Giá trị sản xuất 6 tháng đầu năm 2023 (theo giá so sánh 2010) đạt 2.346,08 tỷ đồng, tăng 5,34% so với cùng kỳ, đạt 49,18% kế hoạch theo Nghị quyết huyện giao năm 2023, trong đó nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 2,39%, công nghiệp - xây dựng tăng 4,4%, thương mại - dịch vụ tăng 10,61%,

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện 216,974 tỷ đồng, đạt 52,58% NQ; trong đó thu trong cân đối phần huyện hưởng đạt 18,359 tỷ đồng, đạt 29,31% NQ, Trường hợp không tính tiền sử dụng đất, thu trong cân đối đạt 16,159 tỷ đồng, đạt 48,64% NQ; Tổng chi ngân sách trong 6 tháng đầu năm 2023 là 172,3 tỷ đồng, đạt 38,77% NQ

Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023 là 99.136 triệu đồng, khối lượng thực hiện đến hết tháng 6 năm 2023 là 52.658 triệu đồng, đạt 53,1% NQ, khối lượng giải ngân 48.738 triệu đồng, đạt 49,2% NQ.

Tổng diện tích gieo trồng 06 tháng đầu năm 2023: toàn huyện là 24.329,2 ha đạt 73,32 % so với NQ, 102,15% cùng kỳ năm 2022, trong đó: Vụ Đông xuân 1.882,5 ha, vụ Mùa 22.446.7 ha¹

Kết quả rà soát, đánh giá thực trạng các tiêu chí xây dựng Nông thôn mới của các xã trên địa bàn huyện đến ngày 15/5/2023 theo Quyết định số 710/QĐ-

¹ Cụ thể: Cây lương thực: 6.640,5 ha, đạt 63,04 % so với KH huyện; 158,54 % so với cùng kỳ năm 2022 (vụ Đông xuân TH 891,0 ha; vụ Mùa 5.749,5 ha); Cây có củ: 3.348,5 ha, đạt 137,49 % KH huyện; 154,77 % so với cùng kỳ năm 2022 (vụ Đông xuân TH 122 ha; vụ Mùa 3.226,5 ha); Cây thực phẩm: 1.182,0 ha, đạt 31,12% KH huyện; 60,71 % so với cùng kỳ năm 2022 (vụ Đông xuân TH 698,0 ha; vụ Mùa 484,0 ha); Cây Công nghiệp ngắn ngày (lạc, ...): 222,6 ha, đạt 23,38 % KH huyện; 33,22 % so với cùng kỳ năm 2022; Cây hàng năm khác: 337,8 ha, đạt 46,94 % KH huyện; 74,73 % so với cùng kỳ năm 2022 (vụ Đông xuân TH 180,5 ha; vụ Mùa 157,3 ha); Cây công nghiệp dài ngày (hồ tiêu, cao su, cà phê, điều): 10.800 ha, đạt 85,72 % KH huyện; 86,54 % so với cùng kỳ năm 2022; Cây ăn quả: 1.667,9 ha, đạt 85,10 % KH huyện; 93,01 % so với cùng kỳ năm 2022; Cây dược liệu: 117,9 ha, đạt 73,69% so với KH huyện; 117,9 % so với cùng kỳ năm 2022.

UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh về ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai: Đối với 06 xã đã được công nhận đạt chuẩn: Xã Ia Blứ đạt 10/19 tiêu chí, xã Ia Le đạt 07/19 tiêu chí, xã Ia Phang đạt 08/19 tiêu chí, xã Ia Hnú đạt 07/19 tiêu chí, xã Ia Rong đạt 08/19 tiêu chí, xã Ia Dreng đạt 08/19 tiêu chí; Đối với xã chưa công nhận đạt chuẩn: Xã Ia Hla đạt 06/19 tiêu chí, xã Chư Don đạt 08/19 tiêu chí².

2. Các chỉ tiêu văn hóa xã hội

Dân số trung bình và Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên (NQ giao 1,37%/ năm).

Số lao động được giải quyết việc làm: 515/1.150 lao động đạt 44,78% NQ³.

Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí giai đoạn 2022-2025, phần đầu đến cuối năm 2023 toàn huyện giảm tỷ lệ hộ nghèo ở mức 2,31% đưa tỷ lệ hộ nghèo huyện giảm từ 11,99% xuống còn 9,68%; Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm 3,4%.

Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường và Tỷ lệ duy trì sĩ số học sinh⁴

Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng <5 tuổi (cân nặng/tuổi): 16,7% (NQ năm 17,94%).

Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đủ liều: 26,7% (NQ giao 97%).

Số lao động tham gia BHXH là: 2.368 người, bằng 6,9% lực lượng lao động, đạt 99,81% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: BHXH bắt buộc là 1.697 người, đạt 96,9% NQ; BHXH tự nguyện 671 người đạt 74,7% NQ. Số lao động tham gia BHTN là: 1.248 người đạt 91,3% NQ và bằng 3,6% lực lượng lao

² Cụ thể:

* Đối với 06 xã đã được công nhận đạt chuẩn: (1). Xã Ia Blứ đạt 10/19 tiêu chí, giảm 09 tiêu chí, gồm các tiêu chí: Quy hoạch, Giao thông, Trường học, Cơ sở vật chất văn hóa, Thu nhập, Nghèo đa chiều, Lao động, Tổ chức sản xuất, Môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm; (2). Xã Ia Le đạt 07/19 tiêu chí, giảm 12 tiêu chí, gồm tiêu chí: Quy hoạch, Giao thông, Trường học, Cơ sở vật chất văn hóa, Nhà ở dân cư, Nghèo đa chiều, Lao động, Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn, Y tế, Môi trường và an toàn thực phẩm, Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, Quốc phòng và an ninh; (3). Xã Ia Phang, đạt 08/19 tiêu chí, giảm 11 tiêu chí, gồm các tiêu chí: Quy hoạch, Giao thông, Trường học, Cơ sở vật chất văn hóa, Thu nhập, Nghèo đa chiều, Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn, Y tế, Môi trường và an toàn thực phẩm, Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, Quốc phòng và an ninh; (4). Xã Ia Hnú đạt 07/19 tiêu chí, giảm 12 tiêu chí, gồm các tiêu chí: Quy hoạch, Giao thông, Trường học, Cơ sở vật chất văn hóa, Thu nhập, Nghèo đa chiều, Lao động, Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn, Y tế, Môi trường và an toàn thực phẩm, Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, Quốc phòng và an ninh; (5). Xã Ia Rong đạt 08/19 tiêu chí, giảm 11 tiêu chí, gồm các tiêu chí: Quy hoạch, Giao thông, Trường học, Cơ sở vật chất văn hóa, Thu nhập, Nghèo đa chiều, Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn, Y tế, Môi trường và an toàn thực phẩm, Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, Quốc phòng và an ninh; (6). Xã Ia Dreng đạt 08/19 tiêu chí, giảm 11 tiêu chí, gồm các tiêu chí: Quy hoạch, Giao thông, Trường học, Thu nhập, Nghèo đa chiều, Lao động, Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn, Y tế, Môi trường và an toàn thực phẩm, Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, Quốc phòng và an ninh.

* Đối với xã chưa công nhận đạt chuẩn: (1). Xã Ia Hla đạt 06/19 tiêu chí, còn 13 tiêu chí chưa đạt, gồm các tiêu chí: Quy hoạch, Giao thông, Trường học, Cơ sở vật chất văn hóa, Nhà ở dân cư, Thu nhập, Nghèo đa chiều, Lao động, Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn, Y tế, Môi trường và an toàn thực phẩm, Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, Quốc phòng và an ninh; (2). Xã Chư Don đạt 08/19 tiêu chí, còn 11 tiêu chí chưa đạt, gồm các tiêu chí: Quy hoạch, Giao thông, Trường học, Nhà ở dân cư, Thu nhập, Nghèo đa chiều, Lao động, Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn, Y tế, Môi trường và an toàn thực phẩm, Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

³ trong đó: Xuất khẩu lao động 30 người; Giải quyết việc làm thông qua nguồn vốn vay: 388 lao động; Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Trường thịnh (Olam) tuyển dụng: 50 lao động; Tuyển dụng vào làm việc các cơ quan, tổ chức: 47 lao động.

⁴ Kết quả duy trì sĩ số như sau: Bậc mầm non: Tỷ lệ duy trì sĩ số: 4.249/4.257 đạt 99,81%; Bậc tiểu học: Tỷ lệ duy trì sĩ số: 9.742/9.756 đạt 99,86%; Bậc THCS: Tỷ lệ duy trì sĩ số: 5.185/5.236 đạt 99,03%; Bậc THPT: Tỷ lệ duy trì sĩ số: 1.676/1.705 đạt 98,3%; Toàn ngành: 99,25%.

động, đạt 96,45% so với cùng kỳ năm trước; Số người tham gia BHYT 54.037 người đạt 80,95% NQ và bằng 65% so với dân số, đạt 108,6% so với cùng kỳ năm trước.

Xây dựng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” năm 2023, có 6/74 thôn, làng đăng ký các chỉ tiêu xây dựng thôn, làng văn hóa.

Tiếp tục triển khai quyết liệt các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 và tổ chức tiêm vắc xin để tăng diện bao phủ⁵.

3. Các chỉ tiêu môi trường

Về công tác giao đất, giao rừng: Triển khai kế hoạch trồng rừng năm 2023: Chỉ tiêu tình giao năm 2023 là 560,2ha, trong đó: UBND các xã 288,7ha, BQL rừng PH Nam Phú Nhon 41,5ha, Công ty Phương Nguyên Tây nguyên 230ha, trồng cây phân tán 90ha). Đến nay, có 47 hộ đăng ký trồng rừng với diện tích 115,5ha trong đó: UBND các xã 43 hộ/105,5ha (trong đó: 11,22ha trong quy hoạch lâm nghiệp, 94,28ha ngoài quy hoạch lâm nghiệp), BQL rừng phòng hộ Nam Phú Nhon 04 hộ/10ha.

Hồ sơ cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Tiếp nhận và giải quyết 47 hồ sơ, tổng diện tích 242.586,1 (Trong đó: đất ở là 3.666,8 m², đất nông nghiệp là 238.919,3m²), đạt tỷ lệ 188% về hồ sơ và 66,06% về diện tích so với cùng kỳ năm 2022; Lũy kế diện tích đã cấp Giấy CNQSD đất là 21.138,66 ha/22.072,20 ha đã được đo đạc cần cấp giấy, đạt tỷ lệ 95,77%.

- Hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất: Giải quyết 56 hồ sơ với tổng diện tích 36.448,2m² (trong đó chuyển từ đất nông nghiệp sang đất ở 7.493,7 m²), đạt tỷ lệ 108,6% về hồ sơ so với cùng kỳ năm 2022. Hồ sơ chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế quyền sử dụng đất: giải quyết là 1.042 hồ sơ với tổng diện tích 77,19 ha, đạt tỷ lệ 121,7% về hồ sơ so với cùng kỳ năm 2022. Hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: giải quyết 171 hồ sơ với tổng diện tích 51.413 ha. đạt tỷ lệ 219,2% về hồ sơ so với cùng kỳ năm 2022. Thực hiện đính chính sai thông tin trên Giấy CN QSD đất cho 85 trường hợp.

II. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC, THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023 CỦA HĐND HUYỆN

1. Thực hiện nhiệm vụ của HĐND, Thường trực HĐND huyện

Triển khai Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 29/12/2022 của HĐND huyện về kế hoạch tổ chức kỳ họp thường lệ năm 2023 HĐND huyện khoá X, nhiệm kỳ 2021-2026.

Kỳ họp thứ Chín (chuyên đề), HĐND huyện khoá X có 05 nội dung (5 tờ trình và dự thảo Nghị quyết). Sau kỳ họp đã ban hành kịp thời thông báo kết quả kỳ họp và trình Chủ tịch HĐND huyện ký chứng thực, ban hành 05 Nghị quyết.

⁵ Tiêm vắc xin cho đối tượng từ 18 tuổi trở lên: Tổng tiêm: 134.596 mũi. Trong đó: Mũi 1: 41.808 mũi đạt 103.58%, Mũi 2: 42.019 mũi đạt 104.10%, Mũi bổ sung: 13.411 mũi đạt 33.23%, Mũi nhắc lại lần 1: 25.861 mũi đạt 64.07%, Mũi nhắc lại lần 2: 8478 mũi đạt 21%

* Tiêm vắc xin cho đối tượng từ 12 đến dưới 18 tuổi: Tổng tiêm: 25.777 mũi. Trong đó: Mũi 1: 10.899 mũi đạt 106.82%, Mũi 2: 9.792 mũi đạt 95.97%, Mũi nhắc lại lần 1: 5.086 mũi đạt 49.85%

* Tiêm vắc xin cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi: Tổng tiêm: 23.301 mũi. Trong đó: Mũi 1: 12.673 mũi đạt 99.36%, Mũi 2: 10.628 mũi đạt 83.33%.

Trước kỳ họp thứ Mười, Thường trực HĐND huyện đã phối hợp với Lãnh đạo UBND huyện, Ban Thường trực UBMTTQVN huyện và các cơ quan liên quan trong việc tổ chức họp chuẩn bị nội dung, chương trình kỳ họp thứ Mười, HĐND huyện khoá X, nhiệm kỳ 2021-2026. Tại Hội nghị chuẩn bị, nội dung, chương trình kỳ họp các đại biểu đã trao đổi, thảo luận giao nhiệm vụ cụ thể và thống nhất đưa ra kỳ họp thứ Mười, HĐND huyện khoá X, 45 nội dung (25 báo cáo, 18 tờ trình, 2 đề án và các dự thảo Nghị quyết); đôn đốc, kiểm tra công tác chuẩn bị và công tác thẩm định, thẩm tra văn bản theo đúng luật định, phát huy vai trò trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

2. Hoạt động giám sát của Thường trực HĐND huyện

2.1. Giám sát tại kỳ họp

HĐND huyện đã dành thời gian xem xét các báo cáo theo quy định tại Điều 59, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015, Tại 02 kỳ họp (thứ Tám, thứ Chín) HĐND huyện đã xem xét các báo cáo, đề án và dự thảo Nghị quyết của Thường trực HĐND, các Ban HĐND huyện, UBND huyện, Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân và Chi cục Thi hành án dân sự huyện theo đúng Luật định. Tại kỳ họp, có 26 lượt đại biểu ý kiến, với 59 nội dung tham gia thảo luận Tổ, thảo luận chung tại Hội trường và đề nghị giải trình các nội dung đại biểu quan tâm; có 07 đại biểu chất vấn 07 nội dung⁶.

Việc xem xét các báo cáo giám sát chuyên đề: tại Kỳ họp thứ Tám, HĐND huyện đã xem xét báo cáo kết quả giám sát 18 chuyên đề của Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND huyện. Qua hoạt động giám sát, đã đánh giá đúng thực trạng kết quả đã đạt được mục đích, yêu cầu đề ra, nêu rõ những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân khách quan, chủ quan và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát. Đồng thời, đề xuất, kiến nghị đến các cấp, các ngành liên quan và địa phương xem xét, giải quyết.

2.2. Giám sát giữa hai kỳ họp của Thường trực HĐND huyện

a) Giám sát của Thường trực HĐND huyện.

Thường trực HĐND huyện ban hành Chương trình số 354/CTr-HĐND ngày 12/01/2023 về chương trình công tác của Thường trực HĐND huyện năm 2023; Chương trình số 355/CTr-HĐND ngày 12/01/2023 về hoạt động giám sát của Thường trực HĐND huyện năm 2023.

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Thường trực HĐND huyện đã thành lập 01 đoàn giám sát chuyên đề: việc chấp hành pháp luật về quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm trên địa bàn huyện theo tiêu chí đo lường nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025⁷.

⁶ cụ thể: chất vấn UBND huyện và phòng Tài nguyên - Môi trường huyện nội dung dân di cư tự do 55 hộ tại xã IaLe và nước sinh hoạt thôn Hòa Sơn, xã IaPhang; phòng Nông nghiệp & PTNT huyện nội dung xây dựng vùng chuyên canh, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; phòng kinh tế - Hạ tầng huyện nội dung đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới; Chi cục Thuế khu vực Chư sê - Chư Puh nội dung tính thuế chuyên quyền sử dụng đất; phòng Giáo dục - Đào tạo huyện nội dung tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đến trường từng năm.

⁷ Kế hoạch số 387/KH-ĐGSHĐND ngày 17/03/2023 của Hội đồng nhân dân huyện về giám sát “việc chấp hành pháp luật về quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 trên địa bàn huyện theo tiêu chí đo lường nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025”.

- Các Ban HĐND huyện, đã tổ chức giám sát 05 nội dung: Ban kinh tế - Xã hội HĐND huyện 03 nội dung⁸; Ban Pháp chế HĐND huyện 01 nội dung⁹; Ban Dân tộc HĐND huyện 01 nội dung¹⁰.

(có báo cáo kết quả giám sát từng chuyên đề riêng kèm theo).

Ngoài ra, Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND huyện đã tham gia các Đoàn giám sát của Thường trực HĐND, các Ban HĐND tỉnh trên địa bàn huyện và các cơ quan có liên quan khi được mời.

b) Giám sát của Tổ đại biểu HĐND huyện:

Các Tổ đại biểu HĐND huyện đã xây dựng kế hoạch hoạt động của Tổ năm 2023 và lựa chọn nội dung, xây dựng kế hoạch tổ chức giám sát năm 2023. Trong 6 tháng đầu năm 2023, có 09 Tổ đại biểu HĐND huyện xây dựng kế hoạch giám sát các ý kiến, kiến nghị cử tri trên địa bàn ứng cử. Đến nay, các Tổ đã tổ chức giám sát và gửi báo cáo về Thường trực HĐND huyện.

3. Việc thực hiện chức năng đại diện của HĐND

3.1. Hoạt động tiếp xúc cử tri

Thường trực HĐND huyện đã phối hợp với Tổ đại biểu HĐND tỉnh, UBND huyện và Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN huyện tổ chức tiếp xúc cử tri trước kỳ họp thứ Mười ba HĐND tỉnh, trước kỳ họp thứ Mười HĐND huyện và hướng dẫn các Tổ đại biểu HĐND huyện phối hợp với Thường trực HĐND các xã, thị trấn thực hiện tiếp xúc cử tri theo Kế hoạch số 430/KH-HĐND ngày 22/05/2023 của Thường trực HĐND huyện; các Đại biểu HĐND huyện đã tiếp xúc cử tri tại 9 xã, thị trấn với khoảng 1.500 cử tri tham dự. Sau đợt tiếp xúc cử tri các Tổ đại biểu HĐND huyện đã tổng hợp phân loại các ý kiến của cử tri thuộc thẩm quyền của tỉnh, huyện, xã chuyển cho các cơ quan, ban ngành có liên quan giải quyết theo quy định; có 48 ý kiến, kiến nghị cử tri thuộc thẩm quyền của huyện. Tại buổi tiếp xúc cử tri, các đại biểu dân cử đã trả lời, giải đáp trực tiếp cho cử tri, các ý kiến chưa được trả lời trực tiếp, các đại biểu đề nghị UBND huyện và các cơ quan có liên quan xem xét trả lời bằng văn bản tại kỳ họp thứ Mười, HĐND huyện, khóa X. Các đại biểu HĐND huyện đã tham gia tiếp xúc cử tri đầy đủ, đúng quy định. Nội dung ý kiến chủ yếu: kiến nghị đầu tư nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường giao thông nông thôn đã xuống cấp; đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận QSD cho nhân dân; thủ tục tại bộ phận một cửa, mượn nước, kéo đường điện về gần nhà dân.

3.2. Hoạt động tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý đơn thư và theo dõi, đôn đốc việc giải quyết đơn kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân

Thường trực HĐND huyện đã ban hành Kế hoạch số 350/KH-HĐND ngày 12/01/2023 về việc tiếp công dân của HĐND và đại biểu HĐND huyện năm 2023. Theo đó, các vị đại biểu HĐND huyện làm việc tại các cơ quan, đơn vị

⁸ giám sát việc triển khai Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn giai đoạn 2022-2025 và Kết quả đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn năm 2022; giám sát niều quả khai thác sử dụng các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện; việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện và khảo sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch theo Luật Quy hoạch trên địa bàn huyện.

⁹ Giám sát về việc thực thi Pháp Luật trên địa bàn huyện.

¹⁰ Kế hoạch số 90/KH-HĐND ngày 29/03/2023 giám sát việc thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện giai đoạn 2018-2022.

tham gia tiếp công dân hàng tuần tại Ban Tiếp công dân của huyện, đại biểu thuộc các Tổ Đại biểu HĐND huyện đang công tác tại các xã, thị trấn tham gia tiếp công dân thường xuyên tại điểm tiếp công dân của các xã, thị trấn. Duy trì, thực hiện công tác tiếp công dân, tiếp nhận và giải quyết đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân theo quy định của pháp luật và Báo cáo kết quả công tác tiếp công dân của HĐND và đại biểu HĐND các cấp được quy định tại Nghị quyết số 759/2014/NQ-UBTVQH13 theo Văn bản số 410/HĐND-VP ngày 24/04/2023 của Thường trực HĐND tỉnh.

Trong 6 tháng đầu năm 2023, đại biểu HĐND tỉnh tại huyện, Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND huyện và các đại biểu HĐND huyện đã phối hợp tiếp công dân được 55 lượt với 69 người đến kiến nghị, khiếu nại, tố cáo (Trong đó: tại Ban tiếp công dân của huyện tiếp được 41 lượt với 55 người; tại Ban tiếp công dân của các xã, thị trấn tiếp được 14 lượt với 14 người). Nội dung phản ánh của các công dân chủ yếu tập trung về tranh chấp đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng. Tại các buổi tiếp công dân, Lãnh đạo huyện, các cơ quan chức năng của huyện cơ bản đã phân tích, giải thích, trả lời cụ thể, rõ ràng những vấn đề mà công dân đang quan tâm để phản ánh, kiến nghị.

Toàn huyện tiếp nhận 34 đơn thư các loại, năm 2022 chuyển qua 19 đơn. Trong đó: cấp huyện đã tiếp nhận mới 25 đơn, năm 2022 chuyển qua 14 đơn, đã giải quyết được 22/39 đơn, đạt 56,4%, còn 17 đơn đang giải quyết; các xã, thị trấn đã tiếp nhận mới 09 đơn, năm trước chuyển qua 05 đơn, đã tiến hành hòa giải 10/14 đơn, chiếm 71,4%, còn 04 đơn đang giải quyết.

Thường trực HĐND huyện thường xuyên giám sát, đôn đốc các ngành chức năng xem xét, giải quyết đơn thư kiến nghị một cách kịp thời, thỏa đáng đúng quy định của pháp luật, không để đơn thư tồn đọng, vượt cấp, kéo dài. Chủ động rà soát, thống kê và giám sát việc thực hiện giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri, các kiến nghị của Ủy ban MTTQVN huyện; ba Ban HĐND huyện và kiến nghị, khiếu nại của công dân.

4. Một số hoạt động khác

Thường trực Hội đồng nhân dân huyện thường xuyên báo cáo tình hình thực hiện các mặt công tác của Thường trực, Ba Ban HĐND huyện cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Huyện ủy theo quy định; góp ý kiến xây dựng văn bản của tỉnh khi có yêu cầu, chủ động phối hợp với UBND và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện trong thực thi nhiệm vụ được giao.

Thực hiện Văn bản số 1036-CV/HU ngày 09/12/2022 của Huyện ủy Chư Puh về việc đăng ký nhiệm vụ trọng tâm năm 2023, Thường trực HĐND huyện đã thống nhất xây dựng kế hoạch đăng ký 03 nhiệm vụ trọng tâm năm 2023, gửi Thường trực Huyện ủy (có kế hoạch đăng ký nội dung riêng).

Ban hành Quy chế làm việc của Thường trực HĐND huyện khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026.

Ban hành chương trình công tác của Thường trực HĐND huyện năm 2023; Chương trình hoạt động giám sát của Thường trực HĐND huyện năm 2023. Kế hoạch tiếp công dân định kỳ và thường xuyên của Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND, Đại biểu HĐND huyện năm 2023.

Tiếp tục thực hiện kế hoạch số 141/KH-HĐND ngày 28/01/2022 về phát động phong trào thi đua trong hoạt động HĐND nhiệm kỳ 2021-2026; hướng dẫn Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, các Đại biểu HĐND huyện, xã, thị trấn xây dựng kế hoạch đăng ký thi đua trong năm 2023.

Thực hiện Văn bản số 234/HĐND-VP ngày 20/9/2022 của Thường trực HĐND tỉnh về việc thực hiện chế độ báo cáo tình hình thay đổi đại biểu HĐND các cấp. Theo đó, Thường trực HĐND huyện đã có Báo cáo tình hình đại biểu HĐND huyện, xã, thị trấn hằng tháng, năm 2023, gửi Thường trực HĐND tỉnh.

Chuẩn bị các văn kiện của HĐND huyện tham gia diễn tập phòng thủ huyện Chư Puh năm 2023.

Thường trực HĐND huyện tổ chức 6 phiên họp thường kỳ hàng tháng, 24 buổi họp hàng tuần để thảo luận, đôn đốc tiến độ thực hiện một số nhiệm vụ của Thường trực HĐND, Ba Ban HĐND huyện và quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền.

Thường trực Hội đồng nhân dân huyện đã bám sát vào chương trình kế hoạch công tác năm 2023 đề lãnh đạo, chỉ đạo các Ban HĐND huyện hoạt động có chất lượng trong việc giám sát, khảo sát chuyên đề có hiệu quả, nâng cao kỹ năng hoạt động đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra của địa phương.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt đạt được

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Thường trực HĐND huyện luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, nỗ lực thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, bảo đảm chất lượng, hoàn thành vai trò là cơ quan thường trực của HĐND huyện; triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và chương trình kế hoạch đề ra. Nhiều hoạt động của Thường trực HĐND huyện được đổi mới về nội dung, phương thức, hình thức ngày càng nâng cao, chất lượng hiệu quả. Công tác chuẩn bị, tổ chức các kỳ họp được thực hiện đúng quy định. Chất lượng kỳ họp tiếp tục được nâng lên. Chủ động chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát các chuyên đề của HĐND, các Ban HĐND huyện. Tổ chức các phiên họp hàng tháng, hội ý hàng tuần của Thường trực HĐND huyện đúng quy định, từ đó giúp Thường trực HĐND huyện nắm bắt thông tin, đồng thời chủ động trong công tác điều hành; kịp thời chỉ đạo, giải quyết; phối hợp với UBND huyện trong công tác quản lý, điều hành, thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị của huyện; các vấn đề bức xúc xã hội, khiếu nại tố cáo được quan tâm giải quyết.

Thường trực HĐND huyện đã phối hợp với UBND, Ban Thường trực UBMTTQVN cùng cấp tạo điều kiện cho các đại biểu HĐND huyện thực hiện tốt kế hoạch tiếp xúc cử tri trước kỳ họp thứ Mười HĐND huyện. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc các cơ quan giải quyết, trả lời các ý kiến, kiến nghị của cử tri và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

2. Khó khăn, hạn chế

Một số hoạt động của Thường trực HĐND huyện triển khai chậm, chưa đúng tiến độ, thời gian theo chương trình, kế hoạch đề ra từ đầu năm. Hoạt động chất vấn tại kỳ họp của HĐND huyện vẫn còn hạn chế; các Tổ đại biểu và đại

biểu HĐND huyện chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc xây dựng kế hoạch tổ chức giám sát các chuyên đề thường trực HĐND huyện giao¹¹.

3. Nguyên nhân

Đa số các đại biểu HĐND huyện hoạt động kiêm nhiệm và giữ chức vụ chủ chốt ở cơ sở và cơ quan, ban ngành khác nhau, phải thực hiện nhiều nhiệm vụ của ngành, địa phương, thời gian nghiên cứu nội dung chất vấn tham gia hoạt động của HĐND còn hạn chế.

Nhiều đại biểu HĐND huyện chưa có kinh nghiệm trong hoạt động; chưa chủ động nghiên cứu, tiếp cận thông tin, tâm lý ngại va chạm.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

1. Triệu tập các kỳ họp, phối hợp với UBND huyện chuẩn bị các kỳ họp

Thường trực HĐND huyện phối hợp với UBND huyện đôn đốc, công tác chuẩn bị các điều kiện để tổ chức kỳ họp thứ Mười Một (vào cuối năm 2023) theo đúng luật. Tiếp tục cải tiến và nâng cao chất lượng tổ chức kỳ họp HĐND huyện, phát huy trách nhiệm của người đại biểu HĐND, mở rộng dân chủ, huy động sức mạnh và trí tuệ tập thể, giúp HĐND huyện thực hiện tốt chức năng quyết định. Phối hợp với UBND huyện xây dựng nội dung, chương trình kỳ họp khoa học, thường xuyên theo dõi, đôn đốc các cơ quan chuẩn bị các báo cáo, tài liệu phục vụ kỳ họp đảm bảo chất lượng, đúng thời gian luật định.

Phân công và đôn đốc các Ban HĐND huyện tích cực tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp, chủ động thực hiện đúng quy trình và nâng cao chất lượng hoạt động thẩm tra, cung cấp cho các đại biểu thông tin cả về lý luận và thực tiễn để giúp đại biểu thực hiện chức năng quyết định.

2. Hoạt động giám sát, khảo sát

Trong 6 tháng cuối năm 2023, Thường trực HĐND huyện chủ động tổ chức giám sát 06 chuyên đề còn lại theo Nghị quyết HĐND huyện và những nội dung Thường trực Huyện ủy giao và cử tri, xã hội, các tầng lớp nhân dân đang quan tâm.

Phân công thành viên tham gia giám sát, khảo sát, thẩm tra khi các ngành các cấp triển khai tại huyện.

Thường trực HĐND huyện thảo luận, lựa chọn nội dung, tổ chức phiên giải trình, chất vấn giữa 2 kỳ họp (nếu có đại biểu gửi phiếu đề nghị chất vấn).

Giám sát, khảo sát việc thực hiện những kiến nghị sau giám sát, những ý kiến trả lời của các cơ quan liên quan đối với cử tri; giải quyết các kiến nghị của UBMTTQ huyện; Ba Ban HĐND huyện và kiến nghị, khiếu nại của công dân gửi Thường trực HĐND huyện.

3. Hoạt động tiếp công dân và tiếp xúc cử tri

Chủ động phối hợp thực hiện tốt Kế hoạch tiếp xúc cử tri của Đoàn đại biểu Quốc hội; đại biểu HĐND tỉnh; Kế hoạch tiếp xúc cử tri sau kỳ họp thứ Mười và trước, sau kỳ họp thứ Mười Một, HĐND huyện khoá X. Đôn đốc UBND huyện cùng các cơ quan, ban ngành giải quyết dứt điểm các vấn đề cử tri

¹¹ Văn bản số 383/HĐND-TH ngày 13/3/2023 của Thường trực HĐND huyện.

và các đại biểu đang quan tâm đã được trả lời tại các kỳ họp trước. Tiếp nhận, chuyển, đôn đốc và giám sát theo dõi kết quả giải quyết các đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân đối với các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

Thực hiện lịch tiếp công dân thường xuyên và định kỳ của Thường trực HĐND huyện, Ba Ban HĐND huyện, Đại biểu HĐND huyện theo kế hoạch năm 2023.

4. Về các hoạt động khác

- Tổ chức Hội nghị giao ban giữa Thường trực HĐND huyện với Thường trực HĐND các xã, thị trấn lần thứ Ba, khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 vào cuối năm 2023.

- Tổ chức tập huấn cho đại biểu HĐND hai cấp huyện, xã năm 2023.

- Tổ chức Hội nghị đối thoại đại biểu với trẻ em trên địa bàn huyện năm 2023.

- Tổ chức phiên họp Thường trực HĐND huyện hàng tháng theo quy định. Tiếp tục duy trì chế độ giao ban hàng tuần với các Phó Ban chuyên trách HĐND huyện để thảo luận, đôn đốc tiến độ tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ của Ba Ban và xem xét, quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền của Thường trực HĐND huyện.

- Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động vào cuộc họp hàng tháng của các Ban HĐND huyện; phối hợp với UBND huyện giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp; thường xuyên giữ mối liên hệ phối hợp công tác với Ban thường trực UBMTTQVN huyện và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

- Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm theo đúng quy định. Tham gia đầy đủ các hoạt động của tỉnh, các công việc chung của huyện và các hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ của Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ Đại biểu và các đại biểu HĐND huyện.

Trên đây là Báo cáo tình hình hoạt động của Thường trực HĐND huyện 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2023 trình kỳ họp thứ Mười, HĐND huyện khóa X./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường vụ Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Ban TT UBMTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các vị Đại biểu HĐND huyện;
- Các Cơ quan, Đơn vị liên quan;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, HĐ. *th*

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hoàng

BIỂU CHỈ TIÊU TỔNG HỢP



PHƯỜNG BÌNH KINH TẾ XÃ HỘI HUYỆN CHƯ PỤH
(kèm theo Báo cáo số 551/C-HĐND, ngày 26 / 6 /2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Puh)

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện quý II năm		Thực hiện cả năm		NQ HĐND huyện giao năm 2023	Ước thực hiện quý II năm 2023		Ước thực hiện cả năm 2023	Tỷ lệ ước thực hiện		So sánh ước TH năm 2023/2022 (%)	So sánh ước TH năm 2023/2022 (%)	So sánh ước TH năm 2023/2022 (%)	So sánh ước TH năm 2023/2022 (%)	
			2022	2023	2022	2023		So sánh với cùng kỳ (%)	So sánh với cùng kỳ (%)		So sánh ước TH năm 2023/2022 (%)	So sánh ước TH năm 2023/2022 (%)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12						
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ																
I	GIÁ TRỊ SẢN XUẤT																
a	Tổng sản phẩm trong huyện	Tỷ đồng	2.227,09	4.392,99	4.770,42	2.346,08	4.770,42	105,34	49,18	108,59	100,00						
	(Giá so sánh 2010)																
-	Nông, lâm nghiệp và Thủy sản	Tỷ đồng	811,06	1.803,14	1.904,69	830,42	1.904,69	102,39	43,60	105,63	100,00						
-	Công nghiệp - XD/CB	Tỷ đồng	815,39	1.543,70	1.731,78	851,30	1.731,78	104,40	49,16	112,18	100,00						
-	Thương mại - Dịch vụ	Tỷ đồng	600,65	1.046,15	1.133,95	664,37	1.133,95	110,61	58,59	108,39	100,00						
b	Tổng sản phẩm trong huyện	Tỷ đồng	3.294,76	6.849,02	7.519,58	3.589,03	7.519,58	108,93	47,73	109,79	100,00						
	(Giá Thực tế)																
-	Nông, lâm nghiệp và Thủy sản	Tỷ đồng	1.297,53	2.883,47	3.069,83	1.388,52	3.069,83	107,01	45,23	106,46	100,00						
-	Công nghiệp - XD/CB	Tỷ đồng	1.106,81	2.432,45	2.780,65	1.214,01	2.780,65	109,69	43,66	114,31	100,00						
-	Thương mại - Dịch vụ	Tỷ đồng	890,42	1.533,10	1.669,10	986,50	1.669,10	110,79	59,10	108,87	100,00						
*	Cơ cấu ngành		100,00	100,00	100,00	100,00	100,00										
-	Nông, lâm nghiệp và Thủy sản	%	39,38	42,10	40,82	38,69	40,82										
-	Công nghiệp - XD/CB	%	33,59	35,52	36,98	33,83	36,98										
-	Thương mại - Dịch vụ	%	27,03	22,38	22,20	27,49	22,20										
2	DT gieo trồng	Ha	23.817,20	32.707,00	33.182,00	24.329,22	33.182,00	102,15	73,32	101,45	100,00						
	Trong đó: Lúa Đông xuân	Ha	859,00	859,00	880,00	889,00	880,00	103,49	101,02	102,44	100,00						
3	Giá trị sản phẩm trên 1 ha	Triệu đồng		76,17	80,53	Cuối năm mới đánh giá	80,53										
4	Thu nhập bình quân đầu người/ năm	Tr.đồng		50,09	53,78	Cuối năm mới đánh giá	53,78										
5	Thu ngân sách huyện (không tính kết dư, chuyển nguồn)	Tỷ đồng	225,26	388,08	468,75	216,97	468,75	96,32	46,29	120,78	100,00						
-	Thu NS huyện	Tỷ đồng	35,48	71,41	85,31	19,91	85,31	56,12	23,34	119,45	100,00						
	<i>Trong đó: Thu tại địa bàn phần ngân sách huyện, xã được hưởng theo tỷ lệ điều tiết</i>	Tỷ đồng	24,055	46,99	62,637	18,36	62,637	76,32	29,31	133,30	100,00						
-	Thu bù sung ngân sách cấp tỉnh	Tỷ đồng	189,78	316,67	327,374	197,06	327,37	103,84	60,20	103,38	100,00						
6	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	148,73	327,847	444,460	172,30	444,46	115,85	38,77	135,57	100,00						

TT	Chi tiêu	DVT	Thực hiện quý II năm 2022	Thực hiện cả năm 2022	NQ HDND huyện giao năm 2023	Ước thực hiện quý II năm 2023	Ước thực hiện cả năm 2023	Tỷ lệ thực hiện quý II năm 2023		Tỷ lệ thực hiện cả năm 2023	
								So sánh với cùng kỳ (%)	So sánh NQ HDND huyện giao (%)	So sánh ước TH năm 2023/2022 (%)	So sánh NQ HDND huyện giao đầu năm (%)
a	Chi đầu tư phát triển do huyện quản lý	Tỷ đồng	19,60	37,59	47,043	15,18	47,04	77,42	32,26	125,14	100,00
	Trong đó:										
-	Vốn cân đối NS huyện, thị xã, thành phố (vốn phân cấp)	Tỷ đồng	11,23	19,453	19,453	13,50	19,453	120,27	69,41	100,00	100,00
-	Từ nguồn thu tiền SD đất	Tỷ đồng	7,62	13,50	27,590	1,00	27,59	13,12	3,62	204,37	100,00
-	Chi 30% thu tiền thuê đất chuyển về tỉnh	Tỷ đồng	2,00	Năm 2021 được miễn							
b	Chi thường xuyên	Tỷ đồng	129,12	290,25	340,472	157,13	340,47	121,69	46,15	117,30	100,00
7	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	1.356,80	1.954,15	2.103,21	1.468,23	2.103,21	108,21	69,81	107,63	100,00
	Trong đó: Ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	47,29	83,87	133,060	15,18	133,06	32,09	11,41	158,65	100,00
8	Số làng đồng bào DTTS đạt chuẩn nông thôn mới	Làng			3	Cuối năm mới đánh giá	3,00				100,00
II	VĂN HÓA XÃ HỘI										
1	Dân số trung bình	Người	82.020,00	82.495,00	83.182,00	82.842,00	83.182,00	101,00	99,59	100,83	100,00
*	Tốc độ tăng tự nhiên	%		1,37	1,37	Cuối năm mới đánh giá	1,37			100,00	100,00
2	Giải quyết việc làm cho lao động mới	Người	592,00	1.100,00	1.150,00	515,00	1.150,00	86,99	44,78	104,55	100,00
3	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đủ liều	%	24,50	60,10	97,00	26,70	97,00	108,98	27,53	161,40	100,00
4	Tỷ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng	%	17,85	17,15	16,45	16,70	16,45				
5	Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sĩ	%	89,00	89,00	89,00	89,00	89,00	100,00	100,00	100,00	100,00
6	Tỷ lệ người tham gia BHYT so với tổng số dân	%	60,40	65,00	90,00	65,20	90,00	107,95	72,44	138,46	100,00
7	Tỷ lệ người tham gia BHXH	%	5,000	5,160	5,18	6,90	5,18	138,00	133,20	100,39	100,00
8	Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường	%	98,50	98,50	98,50	92,00	98,50	93,40	93,40	100,00	100,00
9	Duy trì sĩ số học sinh	%	99,60	99,60	99,60	99,60	99,60	100,00	100,00	100,00	100,00
10	Xây dựng trường chuẩn quốc gia	Trường			1,00	Cuối năm mới đánh giá	1,00				100,00
11	Xây dựng công sở văn hóa	Công sở		2,00	2,00	Cuối năm mới đánh giá	2,00			100,00	100,00
12	Thôn, làng đạt chuẩn văn hóa	Thôn, làng		2,00	1,00	Cuối năm mới đánh giá	1,00			50,00	100,00

TT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện quý II năm 2022	Thực hiện cả năm 2022	NQ HDND huyện giao năm 2023	Ước thực hiện quý II năm 2023	Ước thực hiện cả năm 2023	Tỷ lệ ước thực hiện quý II năm 2023		Tỷ lệ ước thực hiện cả năm 2023
								So sánh với cùng kỳ (%)	So sánh NQ HDND huyện giao (%)	
13	Số xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	xã, thị trấn		9,00	Năm 2023 không thực hiện đánh giá					
14	Số hộ nghèo (năm 2022 thực hiện theo tiêu chí mới giai đoạn 2022-2025)	Hộ		2.132,00	1.767,00	Cuối năm mới đánh giá	1.767,00			
15	Tỷ lệ hộ nghèo năm 2021 theo tiêu chí giai đoạn 2016-2020. Từ năm 2022 theo tiêu chí mới giai đoạn 2022-2025.	%		11,99	9,79	Cuối năm mới đánh giá	9,79			
16	Tỷ lệ che phủ rừng (kể cả cây cao su)	%		25,75	25,78	Cuối năm mới đánh giá	25,78			100,00
17	Tỷ lệ chất thải rắn được xử lý	%		92,01	92,02	Cuối năm mới đánh giá	92,02			100,01
18	Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh	%		91,60	91,60	Cuối năm mới đánh giá	91,60			100,00
19	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh	%		99,23	99,23	Cuối năm mới đánh giá	99,23			100,00
20	Diện tích trồng rừng trong quy hoạch lâm nghiệp (sẽ điều chỉnh khi có kế hoạch do Sở Nông nghiệp-PTNT giao)	Ha		98,20	45,00	Cuối năm mới đánh giá	45,00			45,82
21	Số giờ phát sóng, phát thanh	giờ	7.853,12	15.330,00	15.330,0	7.962,10	15.330,00	101,39	51,94	100,00